

Bản án số: 28/2022/DS-PT
Ngày 10-11-2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: ông Hà Chí Quốc; bà Nguyễn Thị An Tiên.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Trần Thiên Văn Th, sinh năm 1971; cư trú tại: số X, ấp TA, xã TT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho của nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 73, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 4, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; (theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2022); có mặt.

2. *Bị đơn:* chị Lê Thị Kiều Tr, sinh năm 1991; cư trú tại: số Y, khu phố LT, phường LT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho của bị đơn:* anh Lê Phước Ý, sinh năm 1995. cư trú tại: số 8, khu phố Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2022); có mặt.

- *Người kháng cáo:* anh Trần Thiên Văn Th – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/5/2022, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – nguyên đơn anh Trần Thiên Văn Th trình bày:

Anh và chị Tr kết hôn với nhau năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tháng 01/2022 vợ chồng ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, anh Th yêu cầu xin ly hôn với chị Tr.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên Ngọc H, sinh ngày 08/9/2013, hiện đang sống với chị Tr. Anh Th có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung gồm có: năm 2015, anh Th có đưa cho chị Tr cất giữ 230.000.000 đồng, số tiền này chị Tr hiện đang giữ, anh Th yêu cầu chị Tr có nghĩa vụ hoàn $\frac{1}{2}$ là 115.000.000 đồng; 01 xe honda SH mode, biển số 70G1 – 61641 mua vào năm 2018, trị giá 42.000.000 đồng, hiện chị Tr đang quản lý, anh Th yêu cầu chia đôi 50% trị giá chiếc xe.

Tài sản riêng: trước khi kết hôn anh có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 301, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại ấp Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: CNQSDĐ) số: CH02131, ngày 25/10/2012 do anh Th là người đứng tên. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng có xây dựng thêm 01 căn gác và mái che.

Về nợ chung: vợ chồng có vay nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh, số tiền vay 100.000.000 đồng, đến nay chưa trả, anh Th yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả nợ 50% cho Ngân hàng.

Theo đơn phản tố ngày 17/3/2022, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Kiều Tr trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của anh Th về quan hệ hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Th, yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản: số tiền 230.000.000 đồng anh Th đưa cho chị năm 2015 là đúng, nhưng sau khi có con chung, trong thời gian này anh Th không đưa tiền chi tiêu cho gia đình và nuôi con, chị đã dùng số tiền này để chi tiêu gia đình

và nuôi con đã hết, chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh Th; 01 chiếc xe SH mode hiện nay chị Tr đang quản lý, xe này do cha mẹ ruột chị cho tiền mua vào năm 2018 nên đây là tài sản riêng của chị, không đồng ý chia theo yêu cầu anh Th. Đối với căn nhà và phần đất tại địa chỉ số X, tổ 11, ấp TA, xã TT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng của anh Th. Tuy nhiên, vợ chồng có nâng cấp sửa chữa bằng khoản tiền thu nhập của vợ chồng. Đồng thời, khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại đây thời gian dài, có đóng góp công sức gìn giữ nhà đất nâng giá trị nhà đất như hiện nay. Do vậy chị Tr yêu cầu anh Th chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và công trình phụ trên đất.

Về nợ chung: vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh nhưng thực tế anh Th giữ tiền vay để làm ăn, chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu anh Th.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 84/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Thông báo sửa chữa bổ sung số 04/TBSCBSBA ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành đã quyết định:

Căn cứ Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 43, Điều 45, Điều 51, Điều 55, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thiên Văn Th và chị Lê Thị Kiều Tr.

- Về con chung: giao con chung chưa thành niên tên Trần Thiên Ngọc H, sinh ngày 08/9/2013 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung thành niên, tính từ tháng 8/2022.

- Về tài sản:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Trần Thiên Văn Th về việc chia tài sản chung khi ly hôn đối với chị Lê Thị Kiều Tr; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Th về việc yêu cầu chị Tr trả số tiền 115.000.000 đồng; yêu cầu chị Tr thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ Ngân hàng.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Tr về việc chia tài sản chung khi ly hôn đối với anh Th.

+ Giao cho anh Th được quyền sở hữu sử dụng nhà đất và tất cả tài sản gắn liền với đất có diện tích 114 m², tại thửa số: 301, tờ bản đồ số: 22, tọa lạc ấp

Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hòa thành, Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02131, ngày 25/10/2012, do UBND Hòa Thành cấp cho anh Th đứng tên chủ sử dụng đất; buộc anh Th có nghĩa vụ hoàn trả chị Tr số tiền 48.461.000 (bốn mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi một ngàn) đồng.

- Giao cho chị Tr được quyền sở hữu sử dụng chiếc xe honda SH mode, biển số 70G1 -61641, do chị Tr đứng tên chủ sử dụng.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 06/9/2022, bị đơn kháng cáo: yêu cầu được nuôi con, chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ số tiền 230.000.000 đồng, không đồng ý chia nhà, yêu cầu chia đôi nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người đại diện anh Th trình bày:*

+ Rút kháng cáo đối với yêu cầu nuôi con; đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Rút yêu cầu chị Tr phải chia số tiền 230.000.000 đồng;

+ Giữ nguyên kháng cáo không đồng ý chia cho chị Tr 40% giá trị căn nhà của anh Th;

+ Giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chị Tr trả cho anh $\frac{1}{2}$ của số tiền 100.000.000 đồng (tức là 50.000.000 đồng) để anh Th trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh khi hợp đồng tín dụng đến hạn thanh toán.

- *Chị Tr trình bày:*

+ Chị không yêu cầu anh Th phải chia cho chị 40% giá trị căn nhà như án sơ thẩm;

+ Chị đồng ý trả nợ chung theo yêu cầu của anh Th bằng hình thức là giao cho anh Th số tiền 50.000.000 đồng để anh Th tự trả Ngân hàng khi hợp đồng tín dụng đến hạn thanh toán.

+ Đồng ý chia cho anh Th số tiền 21.000.000 đồng trị giá $\frac{1}{2}$ honda SH mode, biển số 70G1 - 61641 như án sơ thẩm.

Anh Ý trình bày: thống nhất ý kiến chị Tr.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo rút một phần kháng cáo, đồng thời các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289, 300, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm phần người kháng cáo rút kháng cáo và công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của anh Trần Thiên Văn Th, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Th kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện anh Th rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Tr phải chia cho anh $\frac{1}{2}$ số tiền 230.000.000 đồng.

[2.2] Đồng thời, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể như sau: chị Lê Thị Kiều Tr không yêu cầu anh Trần Thiên Văn Th phải chia cho chị giá trị của 40% căn nhà của anh Th số tiền là 69.461.000 đồng. Đồng ý trả cho $\frac{1}{2}$ của số tiền 100.000.000 đồng mà anh chị đã vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh; bằng hình thức là chị Tr giao cho anh Th số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để anh Th tự trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh khi hợp đồng tín dụng đến hạn thanh toán.

[3] Xét thấy việc rút kháng cáo của anh Th là tự nguyện và các bên đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289, Điều 300, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm phần người kháng cáo rút kháng cáo và công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: anh Th, chị Tr mỗi người phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc định giá là 1.220.000 đồng. Chị Tr đã nộp 2.440.000 đồng tạm ứng chi phí này nên anh Th phải có nghĩa vụ trả lại chị Tr số tiền 1.220.000 (một triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Anh Trần Thiên Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.550.000 đồng = (71.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự về chia tài sản chung theo quy định tại điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; tổng số tiền án phí anh Th phải chịu là 4.150.000 đồng.

[6.2] Chị Lê Thị Kiều Tr phải chịu 1.050.000 đồng = (21.000.000 đồng x 5%) án phí sơ thẩm dân sự về chia tài sản chung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[7] Án phí phúc thẩm: anh Trần Thiên Văn Th phải chịu số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, 300, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa án bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Trần Thiên Văn Th về yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị Lê Thị Kiều Tr phải chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ số tiền 230.000.000 đồng.

2. Căn cứ Điều 55, 59, 69, 71, 81, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2.1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thiên Văn Th và chị Lê Thị Kiều Tr.

2.2 Về con chung: giao cháu Trần Thiên Ngọc H, sinh ngày 08/9/2013 cho chị Lê Thị Kiều Tr được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Thiên Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hân mỗi tháng số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, **thời gian cấp dưỡng từ ngày 25/8/2022 cho đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi.**

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau:

3.1. Ghi nhận anh Trần Thiên Văn Th không yêu cầu chị Lê Thị Kiều Tr phải chia $\frac{1}{2}$ số tiền 230.000.000 đồng.

3.2. Giao cho chị Lê Thị Kiều Tr được quyền sở hữu 01 chiếc xe honda SH mode, biển số 70G1 -61641, do chị Tr đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Chị Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trần Thiên Văn Th giá trị của $\frac{1}{2}$ chiếc xe trên số tiền là 21.000.000 (hai mươi một) triệu đồng.

3.3. Ghi nhận chị Lê Thị Kiều Tr không yêu cầu anh Trần Thiên Văn Th phải chia cho chị giá trị của 40% căn nhà của anh Th số tiền là 69.461.000 đồng. Anh Th trọn quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 114 m², tại thửa 301, tờ bản đồ 22, tọa lạc ấp Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hòa thành, Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02131, ngày 25/10/2012, do anh Th đứng tên.

4. Nợ chung: ghi nhận chị Lê Thị Kiều Tr đồng ý trả nợ $\frac{1}{2}$ số tiền 100.000.000 đồng anh chị đã vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh; bằng hình thức là chị Tr giao cho anh Th số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để anh Th tự trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh khi hợp đồng tín dụng đến hạn thanh toán.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng: anh Th, chị Tr mỗi người phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc định giá là 1.220.000 đồng. Chị Tr đã nộp 2.440.000 đồng tạm ứng chi phí này nên anh Th phải có nghĩa vụ trả lại chị Tr số tiền 1.220.000 (một triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Anh Trần Thiên Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.550.000 đồng án phí dân sự về chia tài sản chung, tổng số tiền án phí anh Th phải chịu là 4.150.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp 4.050.000 đồng theo Biên lai thu số: 0020584 ngày 01/3/2022 và Biên lai thu số: 0020770 ngày

24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh Th còn phải tiếp tục nộp 100.000 (một trăm ngàn) đồng.

6.2. Chị Lê Thị Kiều Tr phải chịu 1.050.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự về chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng theo Biên lai thu số 0020624, ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Tr còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

7. Án phí phúc thẩm: anh Trần Thiên Văn Th phải chịu số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh Th đã nộp theo Biên lai thu số 0020945 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (ghi nhận đã nộp xong).

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX Hòa Thành;
- CCTHADS TX Hòa Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm